TOÀ PHÚC THẨM **TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2025/HS-PT
Ngày: 13 - 8 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Tấn Long.

Các Thẩm phán: ông Đặng Kim Nhân

ông Trần Quốc Cường

- Thư ký phiên tòa: ông Lương Quang Toàn - Thư ký Toà phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Trần Viết Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hoà, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 12/2025/TLPT-HS ngày 10 tháng 7 năm 2025 đối với bị cáo Nguyễn Thị D về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*"*;* do Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2025/HS-ST ngày 29 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận (nay là tỉnh Khánh Hoà) bị kháng cáo.

- Bị cáo có kháng cáo:

NGUYỄN THỊ D, sinh năm: 1993 tại tỉnh Ninh Thuận; giới tính: Nữ. Nơi cư trú: thôn L, xã C, huyện T, tỉnh Ninh Thuận (nay là thôn L, xã C, tỉnh Khánh Hòa*)*; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hoá (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông: Nguyễn Văn D1 (đã chết) và bà Mai Thị D2; chồng là: Nguyễn Ngọc T1 và 02 người con; tiền án, tiền sự: không; tạm giữ, tạm giam: không.

Nhân thân: tại bản án số: 11/2024/HS-ST ngày 08/04/2024, bị Tòa án nhân dân huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận xử phạt 07 năm tù về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*"; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/10/2023 (Hành vi phạm tội thực hiện vào tháng 3 năm 2023).

Bị cáo hiện đang chấp hành án tại Trại giam X, tỉnh Đồng Nai; có mặt.

*- Người bào chữa cho bị cáo:*Luật sư Hứa Thanh K, thuộc Văn phòng L, Đoàn Luật sư tỉnh N; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị D làm nghề mua bán hải sản. Từ cuối năm 2022 đến đầu năm 2023, D đã nhiều lần mua bán hải sản với bà Lê Thị Thái T2 và ông Trịnh Văn H.

Trong quá trình mua bán với bà T2 và ông H, Nguyễn Thị D đã nhiều lần đưa ra thông tin gian dối bằng cách: tự lập ra nhiều tài khoản zalo khác nhau (hình thức 01 tài khoản zalo nhưng đổi nhiều tên và hình đại diện khác nhau) và sử dụng các tài khoản zalo này nhắn tin vào tài khoản zalo chính của D có tên "Duyên N" nhiều nội dung mua bán cá. Sau đó, D chụp hình những tin nhắn này gửi qua zalo hoặc gọi điện thoại trực tiếp cho bà T2 và ông H nói dối có việc bán cá để bà T2 và ông H tin tưởng mua và chuyển tiền cho D. Khi nhận được tiền, D đã sử dụng để trả nợ và tiêu xài cá nhân mà không có cá để chuyển theo thỏa thuận.

Bằng nhiều thủ đoạn gian dối khác nhau, từ tháng 11/2022 đến tháng 03 /2023, D thực hiện các lần chiếm đoạt tiền, cụ thể:

1. Trường hợp bà Lê Thị Thái T2

Lần 1: Ngày 28/11/2022, D sử dụng sim điện thoại 0813540260 lập tài khoản zalo tên "Ngọc Phú Q" nhắn tin vào tài khoản zalo "Duyên N" với nội dung "Số lượng cá mú và giá cụ thể 124,5kg x 102.000đ = 12.699.000đ", rồi chụp tin nhắn gửi qua zalo và trao đổi với bà T2 mua cá số tiền là **12.699.000**đồng.Tin tưởng, bà T2 đã sử dụng số tài khoản số 040019558004 của bà T2, mở tại N1 (S) - Chi nhánh Q1 chuyển cho Duyên số tiền **12.700.000**đồng vào tài khoản số 023746970001, tại Ngân hàng B1 (L1) - Chi nhánh N2, đứng tên Nguyễn Ngọc T1 (chồng D) để mua cá (gồm ngày 28/11/2022 là 4.000.000đ; ngày 29/11/2022: 8.700.000đ).

Lần 2: Sáng ngày 29/11/2022, D gửi hình ảnh chụp màn hình tin nhắn với tài khoản zalo "Ngọc Phú Q" chuyển cho bà T2 với nội dung "Cá bữa nay lớn hơn sai 9.10 con một ký", hình ảnh tính tiền "168,6kg x101.000đ =17.028.600đ" để bà T2 tin tưởng. Đến chiều cùng ngày, bà T2 đã sử dụng số tài khoản trên chuyển cho Duyên số tiền **17.200.000**đồng vào tài khoản 023746970001 của T1 để mua cá.

Lần 3: Tối ngày 30/11/2022, D gửi thông tin lô hàng cá với tổng số tiền 34.793.000 đồng cho bà T2. Tin tưởng, bà T2 đã chuyển cho D 02 lần với tổng số tiền **34.800.000**đồng vào tài khoản 023746970001 của T1 để mua cá (gồm lần 1: 5.000.000đ và lần 2: 29.800.000đ).

Lần 4: Tối ngày 01/12/2022, D nhắn tin cho bà T2 đơn hàng cá với giá trị là 35.297.000 đồng. Tin tưởng, nên tối cùng ngày, bà T2 đã chuyển cho Duyên số tiền **35.300.000**đồng vào tài khoản 023746970001 của T1.

Lần 5: Ngày 03/12/2022, D nhắn tin cho bà T2 01 phiếu ghi thông tin cá giá trị là **40.948.000**đồng, sau đó cũng trong ngày bà T2 đã chuyển cho Duyên số tiền trên vào số tài khoản 023746970001 của T1.

Lần 6: Sáng ngày 04/12/2022, D nhắn tin cho bà T2 về việc có lô cá mú, mó và ghi phiếu thông tin hàng cá có giá trị là 39.573.000đồng. Đến chiều cùng ngày, bà T2 đã chuyển cho Duyên số tiền **35.570.000** đồng vào tài khoản 023746970001 của T1 để mua cá. Việc bà T2 chỉ chuyển **35.570.000**đồng là do trước đó D có nợ tiền bà T2 nên được trừ vào số tiền còn thiếu.

Lần 7: Ngày 27/01/2023, ngày 28/01/2023 và ngày 30/01/2023, D lập khống cho bà T2 03 phiếu ghi thông tin cá với tổng số tiền là 1.796.017.000 đồng. Sau đó, trong các ngày 27, 29, 30/01/2023 và 01/02/2023 bà T2 đã chuyển cho D 05 lần với tổng số tiền là **760.000.000**đồng vào tài khoản 023746970001 của T1 để mua cá (gồm ngày 27/01/2023: 100.000.000đ; ngày 29/01/2023 là 300.000.000đ và 100.000.000đ; ngày 30/01/2023: 200.000.000đ và ngày 01/02/2023: 60.000.000đ).

Lần 8: Ngày 28/02/2023, D gọi điện nối dối bà T2 có 06 tấn cá lạc vàng và yêu cầu bà T2 chuyển số tiền **200.000.000**đồng để đặt cọc mua số lượng cá trên. Ngay trong ngày bà T2 đã chuyển cho Duyên số tiền nêu trên vào số tài khoản 023746970001 của T1).

Lần 9: Ngày 08/3/2023, D gọi điện nói dối bà T2 về việc D và Phạm Văn V (là lái xe chở hàng cho D) có mua mấy tấn cá chim trắng đưa ra cho bà T2 bán để trừ bớt tiền mà D còn nợ bà T2. D yêu cầu bà T2 chuyển cho Duyên số tiền **113.000.000** đồng để D trả cho người bán cá. Tin tưởng nên ngay trong ngày bà T2 đã chuyển cho Duyên số tiền nêu trên vào số tài khoản 023746970001. Sau khi nhận tiền, D không mua cá như thông tin đưa ra mà sử dụng vào mục đích cá nhân và trả nợ hết. Thấy D không chuyển hàng, bà T2 nhiều lần gọi điện, nhắn tin hối thúc thì D nói dối bà T2 về việc D mua xe cá chim này còn thiếu người bán 10 triệu nên họ cho xe quay đầu, không bán cho D. Sau đó, D tiếp tục nói dối bà T2 về việc đem đến ngân hàng gần 02 tỷ đồng nhưng toàn tiền giả nên bị Ngân hàng và Công an tịch thu số tiền đó để bà T2 đỡ hối thúc đòi tiền.

Lần 10: Ngày 13/03/2023, D lập khống 01 phiếu đơn hàng cá có giá trị là 732.817.000 đồng rồi gửi qua zalo cho bà T2. Tin tưởng, nên ngay trong ngày bà T2 đã chuyển cho D 02 lần với tổng số tiền là **400.000.000**đồng vào số tài khoản 023746970001 (gồm lần 1: 300.000.000đ và lần 2: 100.000.000đ)

Lần 11: Ngày 15/03/2023, 01 lần D lập khống 01 phiếu ghi thông tin cá trị giá là 615.821.000 đồng gửi qua zalo cho bà T2; 01 lần D gọi điện nói dối bà T2 về việc mua được xe cá mó của bà M (do D bịa ra) rồi yêu cầu bà T2 chuyển ứng trước tiền cho D để D mua cá. Tin tưởng, ngày 15/3/2023 bà T2 đã chuyển cho D 02 lần với tổng số tiền là **460.000.000** đồng vào số tài khoản 023746970001 của T1 để ứng trước tiền mua cá (gồm lần 1: 130.000.000đ; lần 2: 330.000.000đ).

Lần 12: Ngày 19/03/2023, D lập khống 01 phiếu thông tin cá trị giá là 132.400.000 đồng gửi qua zalo cho bà T2 và D gọi điện nói dối bà T2 về việc có 18 thùng xốp cá Lỵ ; gọi điện nói dối bà T2 về việc có lô hàng cá ở Vũng Tàu rồi yêu cầu bà T2 chuyển ứng trước tiền cho D để D mua cá. Tin tưởng, ngày 19/3/2023 bà T2 đã chuyển cho D 03 lần với tổng số tiền là **232.000.000**đồng vào số tài khoản 023746970001 của T1 để ứng trước tiền mua cá (gồm: lần 1: 50.000.000đ; lần 2: 132.000.000đ và lần 3: 50.000.000đ).

Tất cả số tiền mà bà T2 chuyển cho D nêu trên thì D đã nhận đủ và sử dụng vào mục đích cá nhân, trả nợ hết. Do bà T2 đòi tiền nhiều lần, nên D tự ghi giấy nợ giả giữa D với một người tài xế tên Hoàng Văn Đ và nói dối bà T2 về việc bị tài xế này chiếm đoạt tiền hàng là 2.300.000.000đồng để bà T2 không tiếp tục hối thúc đòi tiền.

Xác định tổng số tiền mà D chiếm đoạt của bà T2 là **2.341.335.600** đồng (do trong một số lần chuyển tiền, bà T2 chuyển thừa cho D: lần 1: 1.000đồng; lần 2: 171.400đồng; lần 3: 7.000đồng; lần 4: 3.000đồng, tổng cộng: 182.400đồng. Bà T2 cho Duyên số tiền thừa này).

2. Trường hợp ông Trịnh Văn H.

Ngày 19/3/2023, D nhắn tin nói dối bà Lê Thị Thái T2 về việc D có 02 xe hàng cá đang trên đường ra M và yêu cầu bà T2 chuyển tiền để mua 2 xe cá trên. Tuy nhiên, bà T2 không đủ tiền nên giới thiệu ông Trịnh Văn H cho D để D bán 02 xe cá, rồi D tiếp tục nói dối ông H là 02 xe cá đang trên đường ra M để ông H tin tưởng đồng ý mua.

Đến ngày 21/3/2023, ông H sử dụng số tài khoản số 030021233389, tại Ngân hàng TMCP S1 (S) chuyển cho Duyên số tiền 270.000.000 đồng vào số tài khoản 023746970001 của T1 với nội dung chuyển tiền "mua hai xe cá 19C-191.03 và xe 72H-541.17 của D và T1". Sau khi nhận tiền, D không sử dụng mua cá như thông tin đưa ra mà sử dụng để tiêu xài cá nhân và trả nợ hết. Ông H nhiều lần gọi điện hối thúc đòi hàng và tiền thì D nói dối ông H về việc do không đủ tiền nên chủ cá cho xe quay về lại.

Xác định số tiền mà D chiếm đoạt của ông Trịnh Văn H là **270.000.000**đồng.

Như vậy, bằng nhiều thủ đoạn gian dối khác nhau, Nguyễn Thị D đã chiếm đoạt của các bị hại tổng số tiền là 2.611.335. 600 đồng (trong đó: của Lê Thị Thái T2 là: 2.341.335.600đồng; của Trịnh Văn H là 270.000.000đồng).

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tạm giữ 03 điện thoại di động gồm: **01** (một) điện thoại di động hiệu Oppo, màu trắng bạc, số IMEI 1: 862823051519918, số IMEI 2: 862823051519900, bên trong gắn thẻ Sim có số 8984048000911951707, số Sim 0343856900; **01** (một) điện thoại di động hiệu Vivo, màu đỏ, số IMEI 1: 865635048148875, số IMEI 2: 865635048148867, bên trong gắn thẻ Sim có số 8984048000046658414; số Sim 0979745322; **01** (một) điện thoại di động hiệu Vivo, màu trắng bạc, số IMEI 1: 861128059719457, số IMEI 2: 861128059719440, bên trong gắn 01 thẻ Sim có số Sim 8984048000021049774;số Sim 03648700616 của bị can Nguyễn Thị D đã sử dụng vào việc thực hiện tội phạm.

Các bị hại yêu cầu Nguyễn Thị D phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại tiền chiếm đoạt gồm: Lê Thị Thái T2 là 2.341.335.600đồng, Trịnh Văn H: 270.000.000đồng.

[2] Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2025/HS-ST ngày 29 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận (nay là Toà án nhân dân tỉnh Khánh Hoà) đã quyết định:

* *Tuyên bố:* Bị cáo Nguyễn Thị D phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

* *Áp dụng:* điểm a khoản 4 Điều 174, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 56 của Bộ luật Hình sự; xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị D 13 (Mười ba) năm tù.

Tổng hợp hình phạt 07 (B) năm tù theo bản án số 11/2024/HS-ST ngày 08/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận và hình phạt 13 (Mười ba) năm tù của bản án này. Buộc bị cáo Nguyễn Thị D phải chấp hành hình phạt chung của 2 bản án là 20 (Hai mươi) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày: 04/10/2023.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và công bố quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[3] Kháng cáo:

Ngày 06-6-2025 bị cáo Nguyễn Thị D kháng cáo xem xét lại hình phạt theo hướng giảm nhẹ; lý do kháng cáo là gia đình bị cáo đã khắc phục hậu quả cho bị

hại, bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có chứng từ mua bán với bà T2.

[4] Tại phiên toà phúc thẩm:

Bị cáo Nguyễn Thị D giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; trình bày ý kiến là có một số lần do người bán cá cho bị cáo không có cá giao cho bị cáo, nên bị cáo không có cá giao lại cho người mua.

Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến: tại giai đoạn phúc thẩm, Thẩm phán, Thư ký Tòa án, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo kháng cáo xem xét lại hình phạt nhưng không có tình tiết giảm nhẹ mới, bị cáo chưa bồi thường cho các bị hại, nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên hình phạt của Bản án hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên toà; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: các Cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi phạm tội:

Do việc mua bán bị thua lỗ, nên bằng nhiều thủ đoạn gian dối, nhắn tin, gọi điện thoại, chụp hình các thông tin tự tạo không có thật, bị cáo D đã đưa ra thông tin có các loại cá để bán, từ đó bị hại Lê Thị Thái T2, Trịnh Văn H tin tưởng chuyển tiền mua; nhưng sau đó bị cáo không có C để giao cho người mua và cũng không chuyển trả lại tiền. Nguyễn Thị D đã nhận và chiếm đoạt của 02 bị hại với tổng số tiền là 2.611.335.600đồng, trong đó của Lê Thị Thái T2 là: 2.341.335.600đồng; của Trịnh Văn H là 270.000.000đồng. Toàn bộ số tiền chiếm đoạt được bị cáo D đã sử dụng vào việc cá nhân.

Bản án hình sự sơ thẩm của Toà án nhân dân tỉnh Ninh Thuận quyết định bị cáo Nguyễn Thị D phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" với tình tiết định khung là "*Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000đ trở lên*" theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xem xét về hình phạt:

Hành vi của bị cáo Nguyễn Thị D là đặc biệt nghiêm trọng, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự trị an tại địa phương.

Về tình tiết tăng nặng: bị cáo thực hiện hành vi "phạm tội 02 lần trở lên" được quy định tại điểm g khoản 1 điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: bị cáo Nguyễn Thị D thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bản án hình sự sơ thẩm đã xác định rõ hành vi phạm tội, áp dụng đầy đủ tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ để quyết định mức hình phạt nghiêm minh, bảo đảm cho việc răn đe và phòng ngừa tội phạm. Tại phiên toà phúc thẩm, không có tình tiết giảm nhẹ mới, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[4] Các quyết định còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xem xét; việc thi hành án theo quyết định của bản án sơ thẩm.

Án phí hình sự phúc thẩm bị cáo D phải chịu là 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị D; giữ nguyên hình phạt của Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2025/HS-ST ngày 29 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận (nay là Toà án nhân dân tỉnh Khánh Hoà).

2. Áp dụng: điểm a khoản 4 Điều 174, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 56 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị D 13 (Mười ba) năm tù về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*".

Tổng hợp hình phạt 07 (B) năm tù theo bản án số 11/2024/HS-ST ngày 08/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận và hình phạt 13 (Mười ba) năm tù của bản án này; buộc bị cáo Nguyễn Thị D phải chấp hành hình phạt chung của 2 bản án là 20 (Hai mươi) năm tù; thời gian chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày: 04/10/2023.

3. Các quyết định còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xem xét; việc thi hành án theo quyết định của bản án sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Thị D phải chịu án phí phúc thẩm là 200.000 đồng.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Vụ 1- TAND tối cao;
- Viện CT&KSXXPT tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Khánh Hoà;
- VKSND tỉnh Khánh Hoà;
- THADS tỉnh Khánh Hoà;
- Cơ quan CSĐT-CA tỉnh Khánh Hoà;
- Cơ quan THAHS- CA tỉnh Khánh Hoà;
- Phòng HSNV- CA tỉnh Khánh Hoà;
- Trại Tạm giam - CA tỉnh Khánh Hoà;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tấn Long